

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 125/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng
Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, tỉnh Hà Giang đến năm 2030**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, tỉnh Hà Giang đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Khu kinh tế) với những nội dung chủ yếu sau:

I. Phạm vi quy hoạch

- Phạm vi lập quy hoạch bao gồm ranh giới hành chính 07 xã: Thanh Thủy, Phương Tiên, Thanh Đức, Xín Chải, Lao Chải, Phong Quang thuộc huyện Vị Xuyên và Phương Độ thuộc thành phố Hà Giang, được xác định cụ thể như sau:

+ Phía Đông: Giáp xã Thuận Hòa và Minh Tân của huyện Vị Xuyên.

+ Phía Tây: Giáp xã Thèn Chu Phìn, Đản Ván, Túng Sán của huyện Hoàng Su Phì.

+ Phía Nam: Giáp xã Cao Bồ của huyện Vị Xuyên và xã Phương Thiện, phường Quang Trung, phường Nguyễn Trãi của thành phố Hà Giang.

+ Phía Bắc: Giáp Châu Văn Sơn của tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

- Diện tích toàn Khu kinh tế: 28.781 ha.

2. Tính chất

- Là khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực bao gồm: Thương mại - Dịch vụ - Du lịch - Công nghiệp - Nông lâm nghiệp, tạo thành khu vực thu hút đầu tư và hội nhập quốc tế.

- Là cửa ngõ giao thương quốc tế, đầu mối giao thông, xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh quan trọng, là cầu nối giữa tỉnh Vân Nam, Trung Quốc với miền Bắc Việt Nam và hành lang biển Đông, giữa các nước ASEAN và với các nước Đông Bắc Á.

- Là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội, du lịch có cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại.

- Là khu vực phát triển bền vững, gắn phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo an ninh, quốc phòng, có môi trường sinh thái bền vững.

3. Dự báo quy mô dân số và lao động

- Đến năm 2020: Quy mô dân số toàn Khu kinh tế khoảng 20 - 25 nghìn người, trong đó có khoảng 15 - 16 nghìn người lao động.

- Đến năm 2030: Quy mô dân số toàn Khu kinh tế khoảng 35 - 40 nghìn người, trong đó có khoảng 22 - 24 nghìn người lao động.

4. Định hướng phát triển không gian

a) Nguyên tắc phát triển:

- Phát huy bản sắc cảnh quan, kiến trúc truyền thống địa phương, nhấn mạnh yếu tố mặt nước, cảnh quan núi rừng. Hạn chế tối đa san ủi, giữ môi trường thiên nhiên trong khu vực.

- Kết nối với thành phố Hà Giang trong một tổng thể không gian thống nhất dựa trên hệ thống khung giao thông liên kết chặt chẽ, các khu chức năng bổ trợ lẫn nhau, cùng nhau phát triển.

- Phát triển các khu vực xây dựng tập trung tại một số điểm có quỹ đất tương đối lớn, có đủ quy mô để hội tụ thành các khu chức năng hoạt động hiệu quả.

b) Hướng phát triển:

- Phát triển hai trung tâm giao lưu kinh tế tại cửa khẩu Thanh Thủy và cửa khẩu Lao Chải.

- Phát triển các trục không gian chính bao gồm trục hành lang Bắc Nam là quốc lộ 2, trục hành lang Đông Tây là quốc lộ 4, các trục liên kết là đường từ khu vực Lao Chải, Xín Chải về thành phố Hà Giang.

5. Quy hoạch sử dụng đất

TT	Hạng mục	Năm 2030	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng các khu chức năng	1,795.04	6.24
a	Đất công trình công cộng	112.08	0.39
b	Đất công trình giáo dục	89.36	0.31
c	Đất công trình y tế	8.08	0.03
d	Đất cơ quan hành chính	21.87	0.08
đ	Đất ở đô thị	596.39	2.07
e	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	177.51	0.62
g	Đất hỗn hợp khu phi thuế quan	19.34	0.07
h	Đất cây xanh công viên, thể dục thể thao	770.41	2.68
2	Đất làng xóm du lịch sinh thái	1,173.12	4.08
a	Đất ở làng xóm	415.34	1.44
b	Đất du lịch sinh thái	757.78	2.63
3	Đất sinh thái nông lâm nghiệp	24,299.76	84.43
a	Đất cây xanh cảnh quan, cách li	2,410.64	8.38
b	Đất nông nghiệp	3,194.15	11.10
c	Đất rừng trồng	6,009.70	20.88
d	Đất rừng tự nhiên	10,920.31	37.94
đ	Mặt nước, sông suối	1,366.30	4.75
4	Đất quân sự	211.35	0.73
5	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	10.00	0.03
6	Đất nghĩa trang	24.85	0.09
7	Đất giao thông đô thị	410.91	1.43
8	Đất giao thông đối ngoại	283.27	0.98
9	Đất dự trữ phát triển	620.00	2.15
10	Đất khác	393.26	1.37
	Tổng diện tích đất tự nhiên	28,781.69	100

6. Phân khu chức năng

a) Xây dựng 07 khu chức năng chính, bao gồm:

- Khu trung tâm dịch vụ thương mại cửa khẩu Thanh Thủy, bao gồm: Khu phi thuế quan, Khu đô thị Thanh Thủy, Khu dịch vụ, du lịch, nhà ở sinh thái bờ Đông sông Lô và Khu hồ thủy điện kết hợp du lịch Thanh Thủy, tại phía Bắc Khu kinh tế; quy mô đất xây dựng khoảng 440 - 450 ha; dân số khoảng 6.000 - 6.500 người. Phát triển Khu trung tâm đạt tiêu chí đô thị loại IV.

- Khu trung tâm dịch vụ thương mại cửa khẩu Lao Chải, bao gồm: Khu Trung tâm dịch vụ thương mại cửa khẩu, Khu đô thị gắn với thị trấn Lao Chải; quy mô đất xây dựng: 150 - 200 ha; dân số khoảng 2.800 - 3.200 người; phát triển Khu trung tâm đạt tiêu chí thị loại V.

- Khu trung tâm Xín Chải: Là trung tâm dịch vụ du lịch gắn với Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Quang, bao gồm các khu: Khu dịch vụ thương mại, điều hành, hỗ trợ hoạt động du lịch, Khu trung tâm hành chính, giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao xã Xín Chải và các khu ở với loại hình đa dạng; tại trung tâm xã Xín Chải hiện hữu; quy mô đất xây dựng 40 - 50 ha; dân số khoảng 1.000 - 1.200 người.

- Khu trung tâm Thanh Đức: Là khu chức năng hỗ trợ các hoạt động sản xuất, tiêu thụ công nghiệp, kho tàng bến bãi của khu kinh tế, bao gồm: Khu dịch vụ thương mại, khu tiêu thụ công nghiệp, bến bãi, kho tàng, Khu trung tâm hành chính, giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao xã Thanh Đức và các khu ở với loại hình đa dạng; tại trung tâm xã Thanh Đức hiện hữu; quy mô đất xây dựng 40 - 50 ha; dân số: khoảng 1.000 - 1.500 người.

- Khu trung tâm Phương Độ: Phát triển đô thị du lịch sinh thái gắn với những giá trị cảnh quan và văn hóa dân tộc đặc sắc của địa phương bao gồm các khu: Khu dịch vụ thương mại cửa ngõ thành phố Hà Giang, Khu trung tâm giáo dục đào tạo hiện hữu tỉnh Hà Giang, Khu công viên cây xanh cảnh quan ven sông Lô (hoàn thiện công viên nước Hà Phương), Trung tâm xã Phương Độ và các khu ở với loại hình đa dạng, được định hướng thành khu đô thị thuộc thành phố Hà Giang. Quy mô đất xây dựng khoảng 450 - 500 ha; dân số khoảng 8.000 - 10.000 người.

- Khu trung tâm Phương Tiến: Bao gồm Khu cơ quan, tổ hợp dịch vụ, thương mại, văn phòng; Khu công viên cảnh quan sinh thái Làng Pính (công viên đa dạng sinh học Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Quang, bảo tàng văn hóa với bản sắc 22 dân tộc Hà Giang và khu giới thiệu tổng quan tỉnh Hà Giang), Khu trung tâm hành chính, giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao... và khu ở với các loại hình đa dạng. Quy mô đất xây dựng khoảng 330 - 350 ha; dân số khoảng 6.000 - 8.000 người.

- Khu trung tâm Phong Quang: Ngoài Khu đất quốc phòng (đã được Bộ Quốc phòng chấp thuận ranh giới) sẽ bố trí Khu chế xuất công nghệ cao, Khu trung tâm giáo dục đào tạo tỉnh Hà Giang, Khu công viên hồ điều hòa cửa ngõ phía Nam Phong Quang, Khu công viên cảnh quan kết hợp du lịch Phong Quang, Pác Miều, Khu trung tâm hành chính, giáo dục đào tạo, văn hóa, thể dục thể thao xã Phong Quang và Khu ở với các loại hình đa dạng. Tại thung lũng Phong Quang; quy mô đất xây dựng khoảng 1.150 - 1.200 ha; dân số khoảng 7.000 - 8.000 người. -

b) Các khu chức năng hỗ trợ khác

- Khu du lịch sinh thái suối Làng Pinh: Gắn với công viên đa dạng sinh học, vườn đa dạng động thực vật.

- Khu du lịch sinh thái cộng đồng suối Sừu với các loại hình: Khu trang trại cảnh quan sinh thái, cắm trại.

- Khu du lịch sinh thái cộng đồng suối Nậm Tha với các loại hình: Văn hóa ẩm thực, tham quan cảnh quan, khu săn bắn, dã ngoại leo núi mạo hiểm.

- Các khu, cụm, điểm du lịch gắn với hệ sinh thái Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Quan.

- Các vùng nguyên liệu nông, lâm sản.

- Các làng bản phân tán trong khu vực.

7. Định hướng tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan (Thiết kế đô thị)

a) Phân vùng kiến trúc cảnh quan

- Các khu vực cần bảo vệ, cấm xây dựng:

+ Các khu vực cần bảo vệ: Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Côn Lĩnh, các hành lang hai bên sông, suối đảm bảo hành lang thoát lũ. Đối với các làng bản dân tộc hiện hữu trong khu vực này được định hướng gắn với các vùng nguyên liệu, trang trại sinh thái nông lâm nghiệp, hạn chế tối đa tầng mật độ xây dựng. Chỉ phát triển xây dựng các công trình hạ tầng xã hội, công trình phục vụ du lịch. Khuyến khích sử dụng vật liệu xây dựng truyền thống, thân thiện với môi trường.

+ Các khu vực cấm xây dựng bao gồm hành lang hai bên các quốc lộ 2, quốc lộ 4 theo quy định hiện hành (từ chỉ giới đường đỏ sang mỗi bên 20 m). Các khu vực đất quân sự, điểm có cao độ phục vụ công tác an ninh quốc phòng.

- Các khu vực nâng cấp, cải tạo: Các khu vực có kiến trúc, cảnh quan đặc thù như khu vực có nhà sàn truyền thống, có thừa ruộng bậc thang, cảnh rừng núi tự nhiên...

- Các khu vực hạn chế xây dựng: Các khu cây xanh, đồi núi, mặt nước trong khu vực tập trung xây dựng. Định hướng xây dựng các khu vực này thành các công viên cảnh quan, không gian mở kết hợp du lịch, liên kết với không gian đồi núi cây xanh tự nhiên xung quanh khu vực tập trung xây dựng.

- Các khu vực triển khai xây dựng mới giáp với khu vực xây dựng hiện hữu cần đảm bảo kết nối hài hòa, chặt chẽ, hỗ trợ cho khu vực hiện trạng về hạ tầng cơ sở. Các khu vực triển khai xây dựng mới cần được tận dụng để xây dựng các khu chức năng hoàn chỉnh có hạ tầng đồng bộ với chất lượng cao.

b) Mật độ xây dựng

- Các khu vực có mật độ xây dựng cao (40 - 50%), các khu vực tập trung nhiều chức năng nhưng có quỹ đất xây dựng, điều kiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật hạn chế: Khu trung tâm cửa khẩu Thanh Thủy (đặc biệt khu phi thuế quan); Khu cửa khẩu Lao Chải; Khu trung tâm giáo dục đào tạo, trung tâm công cộng Phong Quang.

- Các khu vực có mật độ xây dựng trung bình (30 - 40%), các khu vực đô thị dự kiến phân bố nhiều dân cư trong quỹ đất xây dựng đã được giới hạn: Khu trung tâm Phương Độ; Khu trung tâm Phương Tiến; Khu trung tâm Phong Quang.

- Các khu vực có mật độ xây dựng thấp (20 - 30%), các khu vực không phân bố nhiều dân cư, có cảnh quan môi trường đồi núi cây xanh tự nhiên, ít bị ảnh hưởng bởi quá trình phát triển xây dựng: Khu trung tâm xã Lao Chải; Khu trung tâm xã Xín Chải; Khu trung tâm xã Thanh Đức.

- Các khu vực có mật độ xây dựng rất thấp (5 - 10%), các khu vực làng bản, khu trang trại sinh thái, vùng nguyên liệu nông lâm sản kết hợp du lịch phân tán trong vùng đệm Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Côn Lĩnh: Khu du lịch suối làng Pinh; Khu du lịch suối Sừ; Khu du lịch suối Nậm Tha; các khu công viên cây xanh cảnh quan.

c) Cao độ xây dựng

- Các khu vực xây dựng trên 10 tầng, các khu vực hạt nhân có chức năng quan trọng, quỹ đất xây dựng hạn chế; các khu vực có yêu cầu đặc biệt về điểm nhấn không gian và hiệu quả khai thác quỹ đất xây dựng, có yêu cầu xây dựng hợp khối công trình như: Khu phi thuế quan; Trung tâm dịch vụ thương mại, cơ quan, văn phòng... Khu trung tâm thương mại Thanh Thủy; Trung tâm điều hành, công cộng trong khu chế xuất công nghệ cao; Trung tâm công cộng trong khu đô thị Phong Quang; Trung tâm công cộng, cơ quan hành chính trong khu đô thị Phương Tiến.

- Các khu vực xây dựng từ 5 - 9 tầng, các khu ở công nhân, khu ký túc xá, khu chuyên gia, khu trường học... tại khu vực đô thị xây dựng mới hoàn toàn.

- Các khu vực xây dựng từ 3 - 5 tầng, các khu xây dựng liền kề và khu vực hiện trạng, khu đô thị mật độ trung bình và mật độ thấp: Khu đô thị Phong Quang; Khu đô thị Phương Độ; Khu đô thị Phương Tiến.

- Các khu vực xây dựng từ 1 - 3 tầng, các khu vực làng bản, khu trang trại sinh thái, khu triển núi có độ dốc tương đối cao...

8. Quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Quy hoạch giao thông

- Nâng cấp, cải tạo kết hợp xây dựng mới hệ thống giao thông đối ngoại kết nối đồng bộ với hành lang giao thông biên giới phía Bắc, bao gồm:

+ Nâng cấp, cải tạo quốc lộ 4 hiện hữu; giai đoạn đầu giữ nguyên cấp hiện tại, xử lý các đoạn sụt trượt, cải tạo mặt đường đồng thời xây mới hoàn thiện đoạn từ trung tâm xã Lao Chải sang Hoàng Su Phì; giai đoạn dài hạn nâng cấp tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp III, chiều dài tuyến khoảng 30 km.

+ Xây mới quốc lộ 4 kéo dài, điểm đầu từ giao cắt giữa quốc lộ 4 hiện trạng với quốc lộ 2 tại Km 309 + 600, vượt qua sông Lô, sát sườn núi phía Đông sông Lô, vào thung lũng Phong Quang, đi sát theo sườn núi phía Nam kết nối với đường Quang Trung thành phố Hà Giang. Chiều dài tuyến trong khu vực nghiên cứu khoảng 15 km.

+ Xây dựng mới tuyến tránh quốc lộ 2, điểm đầu từ Km 307 + 950 quốc lộ 2 đi dọc theo sườn núi phía Tây sông Lô nối với tuyến tránh quốc lộ 2 (đường đôi Cầu Mè - Hà Phương, bề rộng nền đường chạy 18 m, có đường gom dân sinh. Chiều dài tuyến trong khu vực nghiên cứu khoảng 14 km.

+ Xây dựng tuyến đường chạy dọc theo đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc, quy mô đường cấp V - IV miền núi.

- Xây dựng hệ thống giao thông trong các khu chức năng chính của Khu kinh tế theo quy hoạch chi tiết được phê duyệt.

- Tổ chức các nút giao thông cùng mức kết nối liên thông giữa đường bộ đối ngoại với mạng lưới đường chính của Khu kinh tế.

- Xây dựng hệ thống cầu tràn bê tông vượt khe suối, mở rộng khẩu độ thoát lũ của hệ thống cầu, cống, bao gồm:

+ Xây dựng cầu mới qua sông Lô tại các vị trí: Km 299 + 500 quốc lộ 2, Km 305 + 700 quốc lộ 2 kết nối quốc lộ 4, khu thung lũng Phong Quang với quốc lộ 2. Nâng cấp, cải tạo: Cầu Thanh Thủy, cầu Thanh Sơn, cầu Suối Sừ, cầu Nà Cáp, cầu Phương Độ, cầu Làng Lúp.

+ Xây mới các cầu qua suối tại các khu vực xây mới trong khu vực, khẩu độ cầu phù hợp với các loại mặt cắt đường tương ứng.

- Xây dựng hệ thống bến xe khách: Xây dựng mới 1 bến xe tại vị trí Km 299 + 900 quốc lộ 2, gần tuyến đường liên kết quốc lộ 2 với thung lũng Phong Quang, quy mô bến xe khoảng 3 - 4 ha.

- Xây dựng các bãi đỗ xe: Bố trí các bãi đỗ xe gắn với các chức năng, khu dân cư, khu du lịch sinh thái, quá trình đầu tư xây dựng phân kỳ theo sự hình thành và phát triển của đô thị. Tổng diện tích các bãi đỗ xe trong khu vực khoảng 15 ha.

b) San nền thoát nước

- Cao độ xây dựng được tính toán, xác định trên cơ sở mực nước ngập lũ thực đo hàng năm và địa hình tự nhiên ở từng khu vực. Cần có kè chắn ổn định và giải pháp trồng cây xanh giữ nước chống xói lở.

- Quy hoạch thoát nước mưa: Được thiết kế cho từng khu vực riêng biệt, từng lưu vực. Các khu chức năng mới, xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng biệt; các khu dân cư mật độ không cao, xây dựng hệ thống thoát chung với nước thải. Các giải pháp cụ thể bao gồm: nạo vét mở rộng lòng các khe suối, cải tạo mở rộng khẩu độ cầu, cống hiện có, xây dựng mạng lưới đường ống đồng bộ tại các khu chức năng, di dân ra khỏi khu vực bị ảnh hưởng lũ quét và trượt lở, ổn định nền xây dựng tạo taluy mái dốc và kè bờ chống sạt lở bảo đảm cảnh quan.

c) Cấp nước

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt áp dụng trong quy hoạch đợt đầu là 100 lít/người/ngày đêm giai đoạn sau là 160 lít/người/ngày đêm.

- Tổng công suất cấp nước khoảng 9.500 m³/ngày đêm.

- Nguồn cấp nước: Dự kiến sử dụng nguồn nước mặt từ các suối lớn và các suối nhánh, xây dựng công trình đầu mối cấp nước cho từng khu vực riêng.

- Mạng lưới đường ống được thiết kế bảo đảm an toàn cấp nước cho từng khu vực.

d) Cấp điện

- Tiêu chuẩn cấp điện: Tính toán theo chỉ tiêu áp dụng đối với đô thị loại IV. Tổng phụ tải điện dài hạn là 32 MVA.

- Nguồn cấp điện: Cấp từ lưới điện quốc gia và lưới điện cao áp trong Tỉnh thông qua: Trạm biến áp 110 KV thành phố Hà Giang và xây mới trạm 110 KV riêng cho Khu kinh tế. Xây dựng mới và nâng công suất các nhà máy thủy điện như Thanh Thủy, Hạ Thành và các trạm thủy điện công suất nhỏ phân tán đáp ứng cho khu vực.

- Xây dựng đường dây 110 KV từ các nhà máy thủy điện đi Hoàng Su Phì trạm 110 KV Vinh Quang và Thủy điện Thái An Quảng Bạ.

- Cải tạo nắn tuyến 35 KV hiện có từ mạch đơn sang mạch kép cấp từ thành phố Hà Giang cho khu cửa khẩu và lên các xã Lao Chải, Xín Chải, Thanh Đức, nhánh thứ hai lên xã Phong Quang. Xây dựng mới đường dây 35 KV mạch kép từ trạm 110 KV, kết nối với Thủy điện Hạ Thành và các thủy điện khác, cấp điện cho toàn bộ khu vực cửa khẩu. Mạng trung thế của Khu kinh tế có kết cấu mạch vòng vận hành hở.

- Lưới điện hạ thế tại khu vực cửa khẩu trong giai đoạn đầu cải tạo đường dây cũ, giai đoạn sau dần thay thế sử dụng cáp ngầm. Các điểm dân cư khác được cấp điện bằng đường dây nổi. Lưới điện chiếu sáng trong Khu kinh tế được bố trí đi cùng mạng lưới điện hạ thế.

đ) Thoát nước và vệ sinh môi trường

- Quy hoạch thoát nước thải: Tổng lượng nước thải khoảng 9.000m³/ngày đêm. Hệ thống thoát nước thải được thiết kế tùy theo từng khu vực đảm bảo bám sát địa hình tự nhiên và hiệu quả vận hành hệ thống.

- Thu gom và xử lý chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt 1,2 kg/người/ngày đêm, chất thải rắn công nghiệp 0,3 tấn/ha/ngày đêm. Tổng khối lượng chất thải rắn dự kiến: 99,5 tấn/ngày đêm.

- Chất thải rắn được thu gom và phân loại tại nguồn. Chất thải rắn sinh hoạt được chôn lấp tại hai bãi chôn lấp (sau phát triển thành nhà máy xử lý rác), quy mô cho mỗi bãi chôn lấp 2 ha và 24 ha.

Chất thải công nghiệp và y tế phải được xử lý theo quy định. Khu xử lý chất thải rắn tập trung của Khu kinh tế được bố trí tại khu vực gần trung tâm xã Xín Chải quy mô khoảng 2 ha, phục vụ cho xã Xín Chải, Lao Chải, Thanh Đức. Khu xử lý thứ 2 tại xã Phong Quang thu gom và xử lý cho các xã Thanh Thủy, Phương Tiến, Phương Độ, Phong Quang, quy mô khoảng 24 ha. Các vùng đều có các trạm trung chuyển và thu gom phân loại rác theo tiêu chuẩn.

- Quy hoạch nghĩa trang: Cải tạo, chỉnh trang các nghĩa trang hiện trạng thành công viên nghĩa trang. Xây dựng các nghĩa trang nhân dân riêng cho xã Lao Chải, xã Xín Chải, xã Thanh Đức, quy mô khoảng 1 ha/nghĩa trang. Đối với xã Thanh Thủy, Phương Tiến, Phương Độ, Phong Quang có một nghĩa trang tập trung tại xã Phong Quang, quy mô khoảng 10 ha.

e) Thông tin liên lạc

Đầu tư mới và hoàn thiện các cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc trong Khu kinh tế đảm bảo cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ viễn thông.

g) Các giải pháp giám sát, giảm thiểu tác động và bảo vệ môi trường

- Thực hiện các chương trình giám sát chất lượng môi trường; đặc biệt giám sát chất lượng nước sông Lô, các suối Thanh Thủy, Sứ, Nậm Tha... Nạo vét khơi thông dòng chảy, bảo đảm thoát lũ cho sông suối. Xây dựng, gia cố các mái dốc taluy, kè chống sạt lở.

- Bảo vệ các khu vực rừng tự nhiên như khu bảo tồn thiên nhiên Tây Côn Lĩnh, khu rừng Phong Quang... Gìn giữ kiến trúc cảnh quan các khu làng bản văn hóa truyền thống Phương Tiến, Phương Độ...

9. Phân đợt xây dựng và các dự án ưu tiên đầu tư

- Các dự án hoàn thiện khung giao thông:

+ Xây dựng tuyến tránh quốc lộ 2: Hỗ trợ khả năng liên kết, góp phần thúc đẩy sự hình thành khu vực Phương Tiến, Phương Độ.

- + Xây dựng tuyến quốc lộ 4: Tạo sự liên thông trên hành lang Đông Tây.
 - + Xây dựng nâng cấp 02 đoạn đường ven sông Lô: Tạo thành tuyến đường ven bờ Tây sông Lô.
 - + Xây dựng các tuyến đường liên khu vực: Tạo sự liên kết hoàn chỉnh trong Khu kinh tế, thúc đẩy, thu hút đầu tư xây dựng các khu vực.
 - Các dự án khả thi, có khả năng thu hút đầu tư:
 - + Các dự án hình thành các vùng nguyên liệu nông lâm sản có giá trị cao; các dự án hình thành khu trang trại kết hợp du lịch sinh thái.
 - + Các dự án xây dựng khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.
 - Các dự án hình thành các khu vực có vai trò thiết yếu:
 - + Xây dựng hoàn chỉnh Khu trung tâm cửa khẩu Thanh Thủy.
 - + Xây dựng hoàn chỉnh Khu trung tâm cửa khẩu Lao Chải.
 - + Cải tạo, nâng cấp các khu vực hiện trạng.
 - Đối với các khu vực có khả năng hình thành các dự án riêng biệt, như xây dựng khu đô thị mới, khu chế xuất công nghệ cao:
 - + Linh hoạt phát triển theo khả năng đầu tư.
 - + Cải tạo, xây dựng bổ xung các công trình hạ tầng xã hội thiết yếu.
- Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang triển khai thực hiện các công việc sau:

1. Ban hành Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, tỉnh Hà Giang đến năm 2030 được duyệt.
2. Tổ chức công bố công khai Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, tỉnh Hà Giang đến năm 2030.
3. Triển khai lập quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị theo Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, tỉnh Hà Giang đến năm 2030 được duyệt, làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư xây dựng.
4. Xây dựng cơ chế chính sách, nguồn lực tài chính, nhân lực, thực hiện các dự án hạ tầng kỹ thuật để Khu kinh tế trở thành động lực phát triển của tỉnh Hà Giang.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quốc phòng, Ngoại giao, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Hà Giang;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ: KTTH, NC, ĐP;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b).N 39

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hoàng Trung Hải